TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỐC OAI** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2024/KDTM- ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2024
V/v "T/c hợp đồng thi công"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Sỹ Danh Huệ**

2. Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Cúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 27, 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 02A/2024/TLST- KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2024/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 10/2024/QĐST – HPT ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa:

* *Nguyên đơn*: **Công ty Cổ phần Y**; địa chỉ: căn số 12, tầng 23, tòa C2-D'.Capital, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Kim Chae Wan - Chức vụ: Tổng giám đốc; người được uỷ quyền: ông **Phạm Xuân Trường** và ông **SEO YOUTAEG** theo giấy uỷ quyền ngày 12/4/2023; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: ông **Đỗ Xuân Thu** – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH SB Law, theo quyết định về việc cử luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần Y số 07/2022/QĐ ngày 07/10/2022 của Công ty Luật TNHH SB Law. ông Trường có mặt, ông Thu và ông SEO YOUTAEG vắng mặt lần thứ 2 tại phiên toà.

* *Bị đơn:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn H**; địa chỉ: K16+700, Đại lộ Thăng Long, xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông **Song Yong Dae** - Chức vụ: Tổng giám đốc; người được uỷ quyền: Bà **Trương Bách Ngọc**, theo văn bản uỷ quyền lập ngày 13 tháng 7 năm 2023. Bà Ngọc có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2022 của nguyên đơn, cũng như bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Xuân Trường trình bày:

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, Công ty Cổ phần Y (sau đây gọi tắt là Youngjin) và Công ty TNHH HNF (sau đây gọi tắt là HNF) đã ký kết Hợp đồng thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF (sau đây được gọi là "Hợp đồng"). Nội dung hợp đồng bao gồm việc HNF đồng ý thi công phòng sạch và cung cấp thiết bị HVAC OLED cho nhà máy của công ty DTS Vina 2 (thi công phòng sạch Class 100, phòng sản xuất, phòng gia công, phòng thành phẩm, phòng đóng gói, kho nguyên vật liệu,…). Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm 10% thuế VAT là 77.957.000.000 VN đồng. Tiến độ thi công hợp đồng được chia thành 2 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1 – Nhập thiết bị Coater Oled: ngày 07 tháng 11 năm 2021 (tiến độ nhập khẩu thiết bị coater có thể thay đổi)

- Giai đoạn 2 – hoàn thành thi công: HNF hoàn thành lắp đặt trong vòng 50 ngày kể từ ngày thiết bị Coater của Youngjin được lắp đặt thành công.

Tiến độ tạm ứng và thanh toán hợp đồng được các bên chia thành 3 đợt như sau:

- Đợt 1: tạm ứng 30% giá trị của Hợp đồng, tương đương 21.261.000.000 VN đồng (chưa bao gồm VAT). Thanh toán trong vòng 07 ngày làm việc của ngân hàng sau khi ký hợp đồng.

- Đợt 2: 40% giá trị của Hợp đồng, tức 31.182.800.000 VN đồng, đã bao gồm thuế VAT. Tiến độ thanh toán theo tháng, tỷ lệ tiến độ theo tháng lấy theo tiêu chuẩn báo cáo hằng ngày được giám sát của Bên A phê duyệt và khi đề nghị thanh toán chi phí theo tháng cần nhận được phê duyệt của giám sát Bên A. Thanh toán trong vòng 07 ngày làm việc của ngân hàng kể từ ngày hồ sơ được bên A chấp thuận.

- Đợt 3: Giá trị còn lại của Hợp đồng: 25.513.200.000 VN đồng đã bao gồm thuế VAT, được thanh toán trong vòng 7 ngày làm việc của ngân hàng kể từ ngày Bên A xác nhận nghiệm thu khi đã đưa sản phẩm chạy thử đại trà trong vòng 30 ngày và không phát sinh các vấn đề cần sửa chữa của Phòng sạch. Bên A sẽ không trả nốt phần phí đợt 3 nếu sản phẩm có xảy ra sai sót mà bên B không hoàn thiện sửa chữa nốt.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên hợp đồng chưa thực hiện được. Ngày 22 tháng 9 năm 2021, Youngjin và HNF ký kết Phụ lục hợp đồng kiêm biên bản hợp ước kinh doanh ("Phụ lục") với các nội dung sau đây:

Gia hạn thời hạn hợp đồng kể từ ngày ký đến ngày 28 tháng 02 năm 2022 do đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến việc nhập khẩu các thiết bị và quá trình thi công.

Thời gian và điều kiện nhập kho mới các thiết bị, vật tư: Panel, FFU, Chiller, của tự động, các thiết bị phòng sạch trong vòng 40 ngày kể từ khi nhận được tạm ứng đợt 1; Thiết bị AHU: 40 ngày kể từ khi nhận được tạm ứng đợt 2; Tổng giá trị máy móc nhập khẩu: 20.397.496.048 VND, tiền thuế VAT: 2.039.749.605 VND; Bên A thanh toán trước 90% giá trị nhập khẩu của máy móc với lịch trình thanh toán như sau:

- Đợt 1: 4.815.447.526 VND (đã bao gồm VAT) vào tháng 9 năm 2020;

- Đợt 2: 5.199.457.347 VND (đã bao gồm VAT) trong vòng 50 ngày kể từ ngày hoàn tất đợt 1;

- Đợt 3: 3.744.581.780 VND (đã bao gồm VAT) trong vòng 50 ngày kể từ ngày hoàn tất đợt 2;

- Đợt 4: 6.434.016.435 VND (đã bao gồm VAT) trong vòng 50 ngày kể từ ngày hoàn tất đợt 3;

Số tiền còn lại: Bên A xác nhận nghiệm thu khi đã đưa sản phẩm chạy thử đại trà trong vòng 30 ngày, thanh toán trong vòng 07 ngày làm việc của ngân hàng. Bên A sẽ không trả nốt phần phí đợt 3 nếu sản phẩm có xảy ra sai sót mà bên B không hoàn thiện sửa chữa.

Thực hiện theo đúng Hợp đồng và Phụ lục đã ký kết giữa 2 bên, tính đến thời điểm hiện tại, Youngjin đã thanh toán tạm ứng cho HNF như sau:

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, bằng Uỷ nhiệm chi của Ngân hàng Quân đội MB Bank chi nhánh Tây Hà Nội, Youngjin đã tạm ứng cho HNF theo Hợp đồng, với số tiền có giá trị 21.261.000.000 VN đồng.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, Youngjin đã có biên bản Chấp thuận đề nghị thanh toán có số DST2-SCA-20210921-01, thanh toán số tiền có trị giá 4.815.447.525 VN đồng cho HNF.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, Youngjin và HNF đã cùng nhau ký vào Biên bản nghiệm thu hoàn thành (Lần 01) số BBNT-YOUNGJIN-HNF-220921, trong đó Youngjin đã chấp thuận khối lượng hoàn thành (lần 01) với giá trị hoàn thành thực tế (đã bao gồm thuế) là 6.621.240.347 VN đồng. Hai bên cũng thống nhất số tiền 1.805.792.822 VN đồng sẽ giảm trừ vào số tiền tạm ứng mà Youngjin đã thanh toán cho HNF.

Ngày 25 tháng 9 năm 2021, HNF xuất Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000063 gửi tới Công ty Cổ phần Y với giá trị như đã thống nhất trong biên bản nghiệm thu là 6.621.240.347 VN đồng.

Ngày 01 tháng 10 năm 2021, bằng Uỷ nhiệm chi của Ngân hàng Quân đội MB Bank chi nhánh Tây Hà Nội, Youngjin đã thanh toán cho HNF số tiền 4.815.447.525 VN đồng như đã thống nhất bởi hai bên.

Tuy nhiên, sau đó HNF lại không thực hiện tiếp tục các công việc thuộc trách nhiệm của HNF theo quy định của Hợp đồng và Phụ lục. Cụ thể, HNF

dừng tiến hành nhập khẩu các thiết bị, vật tư và không tiến hành tiếp tục thi công công trình cho Youngjin. Youngjin đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu HNF nghiêm túc thực hiện các phạm vi công việc của mình. Đặc biệt, vào ngày 7 tháng 12 năm 2021, Youngjin đã gửi thư Thông báo áp dụng tiền phạt chậm và xử lý theo pháp luật cho HNF. Phúc đáp các thông báo này của Youngjin, HNF cho rằng đã giao các phạm vi công việc của mình trong hợp đồng thi công cho các bên thứ 3 thực hiện ("Thầu phụ") (mà không thông báo hoặc được sự chấp thuận của Youngjin). Tuy nhiên, các bên Thầu phụ này lại không thực hiện theo hợp đồng đã ký với HNF, do vậy HNF không thể thực hiện được Hợp đồng thi công đã ký với Youngjin.

Chúng tôi cho rằng các lý do mà HNF đưa ra là hoàn toàn không có cở sở, bởi HNF không hề đưa ra được bất kì văn bản nào chứng minh việc HNF và các bên Thầu phụ đã thực hiện giao kết hợp đồng nhằm chuyển giao phạm vi công việc cho Thầu phụ. Hơn nữa, sau khi làm việc cùng với các bên Thầu phụ, Youngjin đều nhận được thông tin rằng các bên Thầu phụ đều không nhận được bất kì khoản thanh toán hợp đồng nào từ phía HNF.

Vì vậy, tới ngày 27 tháng 12 năm 2021, Youngjin đã gửi Thông báo chính thức áp dụng tiền phạt chậm và chấm dứt hợp đồng cho HNF, trong đó có thông báo sẽ chấm dứt hợp đồng số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa Youngjin và HNF kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tính đến thời điểm hiện tại, tổng số tiền mà Youngjin đã tạm ứng còn lại chưa được sử dụng là **19.455.207.178** Việt Nam đồng.

Do Công ty HNF vi phạm hợp đồng, căn cứ các quy định của pháp luật và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, chúng tôi đã khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau đây:

- Tuyên bố HNF vi phạm Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa Youngjin và HNF và Phụ lục Hợp đồng kiêm Bản Hiệp ước Kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa Youngjin và HNF.

- Buộc Công ty TNHH HNF trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty Cổ phần Y đã tạm ứng theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng, với tổng số tiền là: 19.455.207.178 VND *(mười chín tỉ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm linh bảy nghìn, một trăm bảy mươi tám Việt Nam đồng)*.

- Buộc Công ty TNHH HNF phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 27/12/2021 đến ngày 27/08/2024 (974 ngày) với lãi suất 10%/năm (căn cứ theo Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) là **5.191.608.710 VND** *(năm tỷ, một trăm chín mươi mốt triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm mười đồng)*;

Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện sau:

- Tuyên bố huỷ bỏ Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa Youngjin và HNF.

Như vậy, tổng số tiền mà HNF phải trả cho Youngjin tạm tính đến ngày 27 tháng 8 năm 2024 là: **24.646.815.888 VND** (*Hai mươi tư tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm mười lăm nghìn tám trăm tám mươi tám đồng*).

**** Theo bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2024 của bà Trương Bách Ngọc là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày***:

Theo nội dung tại Thông báo thụ lý vụ án số 02A/TB-TLVA ngày 11/4/2024 của Quý tòa, Công ty TNHH HNF ("Chúng tôi – HNF") bị Công ty Cổ phần Y ("Nguyên đơn – YOUNGJIN") khởi kiện. Chúng tôi không đồng ý với toàn bộ những yêu cầu của Nguyên đơn bởi những cáo buộc của Nguyên đơn là không đúng sự thật, cụ thể như sau:

* **Về việc Nguyên đơn đưa thông tin sai sự thật, không có căn cứ.**

- Theo đơn khởi kiện, Nguyên đơn cho rằng sau khi ký Hợp đồng và nhận tiền tạm ứng từ Nguyên đơn thì HNF không tiến hành các hành động thể hiện việc nghiêm túc thực hiện Hợp đồng. Cáo buộc của Nguyên đơn hoàn toàn không đúng sự thật. Thực tế, sau khi ký Hợp đồng với Nguyên đơn, trong một khoảng thời gian ngắn chúng tôi đã tiến hành ký Hợp đồng đặt mua các máy móc, vật tư, trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho việc thi công các hạng mục của Hợp đồng với các nhà thầu phụ. Tài liệu chứng cứ kèm theo: Danh sách chi tiết về việc đặt mua máy móc, vật tư, trang thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho việc thi công các hạng mục của Hợp đồng; Hợp đồng mua máy móc, vật tư, trang thiết bị, nguyên vật liệu với các nhà cung cấp;

Đồng thời, Chúng tôi cũng đã hoàn thành một phần khối lượng công việc và được nghiệm thu bởi Nguyên đơn: khối lượng hoàn thành lần 1 với giá trị khối lượng hoàn thành là 6.621.240.347 VNĐ

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của Nguyên đơn ngày 13/8/2024. Nguyên đơn cho rằng sau khi nhận số tiền tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng là 21.261.000.000 VNĐ, Chúng tôi không tiến hành thanh toán/đặt cọc cho các nhà thầu phụ là hoàn toàn sai sự thật. Vì sau khi nhận được tiền tạm ứng Hợp đồng là 21.261.000.000 VNĐ từ Nguyên đơn, trong vòng 4 ngày từ ngày 21/08/2020 đến ngày 25/08/2020 chúng tôi đã tiến hành chuyển tiền tạm ứng để làm căn cứ thực hiện Hợp đồng cho tổng 11 nhà thầu phụ. Cụ thể, ngày 24/08/2020 chúng tôi đã thanh toán tạm ứng cho 04 (bốn) đơn vị thầu phụ có trụ sở tại Hàn Quốc với tổng số tiền là: 410.750 USD (khoảng 9.529.396.288 VNĐ) thông qua hệ thống chuyển tiền quốc tế của ngân hàng Techcombank. Tiếp đó, ngày 25/08/2020 Chúng tôi tiếp tục chuyển tiền cho 07 (bảy) nhà thầu phụ có trụ sở tại Việt Nam với tổng số tiền là: 9.605.514.136 VNĐ qua hệ thống chuyển tiền trong nước của ngân hàng Techcombank. Tổng toàn bộ số tiền tạm ứng cho các nhà thầu phụ cả trong và ngoài nước là: 19.134.910.424 VNĐ. Chúng tôi có kèm theo toàn bộ tài liệu, chứng cứ gồm: Chứng từ thanh toán/tạm ứng cho các nhà thầu phụ; Xác nhận bởi ngân hàng Techcombank về chi tiết các khoản tiền mà chúng tôi chuyển tiền cho các nhà thầu phụ; Sao kê tài khoản ngân hàng HNF;

Phúc đáp của ngân hàng Techcombank thể hiện chi tiết các giao dịch mà HNF đã thực hiện chuyển cho các nhà thầu phụ;

Việc Chúng tôi đã thực hiện chuyển tiền cho các nhà thầu phụ thì phía Nguyên đơn hoàn toàn nắm được, thậm chí Nguyên đơn còn là bên quyết định việc chuyển số tiền này cụ thể như sau:

Thứ nhất: theo thảo thuận tại Điều 4: Bảo lãnh thực hiện tạm ứng của Hợp đồng số: YOUNGJIN-20200308-HNF, sau khi nhận được tiền tạm ứng 21.261.000.000 VNĐ Chúng tôi đã trình cho phía Nguyên đơn 1 chứng thư "bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước" số MD2022177855 lập ngày 08/08/2020 do ngân hàng Techcombak phát hành và tên của người nhận bảo lãnh là Nguyên đơn.

Thứ hai: Chứng thư bảo lãnh này có 1 bản gốc duy nhất được giao cho Nguyên đơn. Bản chất của chứng thư bảo lãnh này là phong tỏa số tiền 21.261.000.000 VNĐ mà Nguyên đơn đã chuyển vào tài khoản của HNF nhằm đảm bảo HNF dùng số tiền này theo đúng mục đích phục vụ cho việc thực hiện Hợp đồng. Số tiền này chỉ có thể được giảm trừ trong trường hợp có sự chấp thuận bằng văn bản của bên nhận bảo lãnh - Tức là Nguyên đơn. Ngoài ra, số tiền này sẽ thanh toán cho hạng mục nào, số tiền bao nhiêu thì cũng phải được sự xác nhận từ Nguyên đơn thì ngân hàng mới thực hiện giảm trừ bảo lãnh.

Thứ ba: Ngày 21/08/2020 bằng công văn có sự xác nhận của Nguyên đơn số: 21082020/ Youngjin-HNF- 01 về việc yêu cầu giảm trừ tiền tạm ứng gửi đến ngân hàng Techcombank. Kèm theo công văn này là danh sách thanh toán tạm ứng cho các hạng mục của nhà thầu phụ đã được phía Nguyên đơn chấp thuận và xác nhận.

Như vậy, việc Chúng tôi sử dụng số tiền để thanh toán/tạm ứng cho các nhà thầu phụ đã được phía Nguyên đơn đồng ý và xác nhận bằng văn bản, Chúng tôi có đầy đủ các chứng cứ như Ủy nhiệm chi, sao kê tài khoản và thậm chí là cả xác nhận của Ngân hàng Techcombank về việc thanh toán này nhưng phía Nguyên đơn vẫn cố tình đưa ra thông tin sai sự thật, nhằm vu khống rằng Chúng tôi không thực hiện Hợp đồng.

* **Về nguyên nhân của việc thực hiện Hợp đồng bị kéo dài:**

- Nguyên đơn không đảm bảo đúng lịch nhập thiết bị Coater OLED: Nguyên đơn không đảm bảo đúng lịch nhập thiết bị Coater OLED dự kiến lắp cho dự án Class 100 như đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Tại **Điều 2: Thời gian cung cấp thiết bị và thi công lắp đặt** của Hợp đồng số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03/8/2020, lịch nhập thiết bị Coater OLED của Nguyên đơn dự kiến là ngày 07/11/2020, và HNF sẽ thực hiện hạng mục công việc của mình sau khi thiết bị Coater OLED này được lắp đặt xong. Tuy nhiên Nguyên đơn không thực hiện nhập thiết bị này về công trình, làm gián đoạn thời gian thi công của Chúng tôi, buộc Chúng phải chờ đợi trong một thời gian dài. Thậm chí đến thời điểm Nguyên đơn cản trở, ngăn chặn không cho Chúng tôi vào công trình (ngày 11/11/2021) thì thiết bị này vẫn chưa được đưa về công trình.

- Nguyên đơn không đảm bảo mặt bằng thi công

Trong khoảng thời gian dài, Nguyên đơn đã không chuẩn bị được mặt bằng sạch, đạt tiêu chuẩn để bàn giao cho Chúng tôi tiến hành thi công lắp đặt. Mặc dù Nguyên đơn đã nhiều lần khắc phục nhưng vẫn không thể sửa chữa được các vấn đề này. (Nguyên đơn là một nhà thầu phụ của chủ đầu tư DST Vina 2 và là đơn vị xây dựng nhà xưởng nhà máy DST Vina 2. Sau khi Nguyên đơn hoàn thiện nhà xưởng, đảm bảo mặt bằng thì Chúng tôi mới có thể vào tiến hành thi công. Diện tích thực hiện hạng mục thi công phòng sạch Class 100 là 2,052m²).

Lỗi nứt sàn: Trên toàn bộ mặt sàn diện tích xây dựng phòng sạch là 5,920m² của nhà xưởng, xuất hiện hơn 300 vết nứt lớn, dài từ 1m~ 30m, độ sâu khoảng 10cm~15cm cực kỳ nguy hiểm, những vết nứt sàn này được Nguyên đơn khắc phục rất nhiều lần nhưng không có kết quả. Vào ngày 22/10/2021 giám đốc CÔNG TY TNHH DST VINA 2 là ông Lee Ki Suk cũng đã gửi công văn bằng Email cho Nguyên đơn (ông Yim Jin Soon) để yêu cầu khắc phục ngay lỗi nứt sàn này. Việc Nguyên đơn liên tục sửa lỗi nứt sàn, sàn không đảm bảo an toàn là một trong số những nguyên nhân dẫn đến việc thời gian thi công bị kéo dài mà Chúng tôi chưa thể thực hiện được công việc của mình.

Lỗi dột mái: Nhà xưởng mà Nguyên đơn xây tại dự án DST Vina 2 liên tục gặp tình trạng mái bị dột. Mỗi khi trời mưa, nước mưa dội thẳng từ trên mái nhà xưởng xuống, nước mưa chảy men theo vách tường gây ngập mặt sàn vùng thấp và gây nguy hiểm khi các hệ thống đường điện đã được Nguyên đơn lắp đặt trong xưởng. Và cũng chính chủ đầu tư là CÔNG TY TNHH DST VINA 2 đã gửi công văn ngày 22/10/2021 yêu cầu Nguyên đơn khắc phục lỗi dột mái và thay luôn mái khác do khắc phục mãi không có kết quả. Video quay lại lỗi dột mái và ngập nước cũng đã được chính Nguyên đơn xác nhận là thuộc khu vực dự án Class 100 thông qua Email gửi cho Chúng tôi ngày 8 tháng 12 năm 2021.

Lỗi mặt bằng thi công không đảm bảo đúng tiêu chuẩn: Nguyên đơn đặt hàng Chúng tôi lắp đặt phòng sạch tiêu chuẩn Class 100, tức là chỉ cho phép tối đa là 100 hạt bụi có kích thước ≥ 0.5µm/ ft³ (foot khối không khí). Quy đổi: 1ft³ = 0.03 m³ (cho phép 3 hạt bụi kích thước ≥ 0.5µm/ 1 Lit không khí). Để đảm bảo duy trì đúng tiêu chuẩn này thì ngay từ đầu đã phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của phòng sạch từ khâu chuẩn bị các vật chất sử dụng trong phòng sạch đến việc thi công. Chúng tôi đặt hàng các vật liệu, máy móc, thiết bị đưa vào phục vụ thi công hạng mục này đều phải đặt theo tiêu chuẩn phòng sạch, các vật dụng kim loại phải được sơn tĩnh điện, mọi vật tư, vật liệu sử dụng cũng phải dùng vật chất không tạo bụi, thậm chí đến cả tờ giấy Chúng tôi chấm công trong công trường cũng phải dùng giấy phòng sạch không tạo bụi. Ngoài ra, công nhân vào thi công phòng sạch cũng phải trang bị quần áo phòng sạch, và đi qua buồng thổi khí Airshow để giảm bớt lượng bụi phát sinh trong phòng sạch. Nhưng trái với những tiêu chuẩn mà phía Nguyên đơn đã yêu cầu Chúng tôi, Nguyên đơn hiên ngang đổ hàng đống cát, sỏi, đá, bột xi măng vào mặt bằng mà Chúng tôi phải thi công để sửa các lỗi nứt sàn, dột mái, gây cản trở việc Chúng tôi thực hiện hạng mục công việc của mình.

Các lỗi phát sinh kể trên không những gây cản trở việc Chúng tôi thực hiện Hợp đồng mà còn là mối nguy hiểm tiềm ẩn sẽ xảy ra liên quan đến tính mạng con người, tài sản sau khi nhà máy đi vào hoạt động.

- Chủ đầu tư DST và Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu Chúng tôi tạm ngừng thi công chờ khắc phục các lỗi từ phía Nguyên đơn: Chủ đầu tư (CÔNG TY TNHH DST VINA 2) và Nguyên đơn nhiều lần yêu cầu Chúng tôi tạm ngừng thi công. Nguyên nhân của việc tạm ngừng thi công đều đến từ việc không thể bàn giao mặt bằng đạt tiêu chuẩn của Nguyên đơn.

- Nguyên đơn qua mặt Chúng tôi để làm việc với các nhà thầu phụ: Nguyên đơn đã tự ý làm việc với các nhà thầu phụ của Chúng tôi mà không thông qua Chúng tôi. Hành động này của Nguyên đơn đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc làm việc tại công trường giữa nhà thầu chính (Nguyên đơn) – nhà thầu phụ (HNF) – các nhà thầu phụ của HNF. Hành động này không những xâm phạm quyền lợi của Chúng tôi tại công trường, gây thiệt hại về uy tín, danh dự của Chúng tôi với các nhà thầu phụ mà còn gây thiệt hại về kinh tế với Chúng tôi, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Nguyên đơn cùng chủ đầu tư DST thông qua ông Yun Kwang Ho (giám đốc phụ trách dự án do HNF bổ nhiệm) thu thập thông tin các nhà thầu phụ. Nguyên đơn trực tiếp gặp và lôi kéo các nhà thầu phụ qua mặt HNF về làm việc với Nguyên đơn sau lưng Chúng tôi.

Thứ hai: Nguyên đơn đóng cửa, chặn không cho Chúng tôi vào thi công nhưng lại lén lút mở cửa cho các nhà thầu phụ của Chúng tôi vào công trình.

Thứ ba: Nguyên đơn liên hệ với các nhà thầu phụ của Chúng tôi để hỏi về các khoản thanh toán liên quan đến Hợp đồng ngay cả khi đó là thông tin bảo mật mà hai bên cam kết với nhau tại **Điều 15: Nghĩa vụ bảo mật Hợp đồng**. Điều này thể hiện rất rõ ràng việc Nguyên đơn đang vi phạm một trong số các nội dung trong Hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận. Cụ thể: ***"Điều 15: Nghĩa vụ bảo mật Hợp đồng*** *- Theo nguyên tắc của bản Hợp đồng thi công giữa Bên A và Bên B thông qua việc ký kết và tài liệu được đưa ra của Bên A và Bên B, những thông tin có được không được tiết lộ công khai ra bên ngoài bất kể trước hay sau khi thi hành Hợp đồng."*

Thứ tư: Nguyên đơn cho rằng Nguyên đơn đã hỏi các nhà thầu phụ và có 3 nhà thầu phụ xác nhận với Nguyên đơn là không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ HNF. Chính hành động này của Nguyên đơn cũng đã làm rõ việc Nguyên đơn làm việc với các nhà thầu phụ của HNF sau lưng Chúng tôi. Bởi Chúng tôi không và chưa từng cung cấp bằng văn bản, lời nói hay bất kỳ phương tiện nào cho Nguyên đơn biết về thông tin các nhà thầu phụ này. Vậy thông tin liên hệ của các nhà thầu phụ từ đâu mà Nguyên đơn có?; Bằng cách nào mà Nguyên đơn có thể có được thông tin công ty, người đại diện của thầu phụ và thậm chí là có cả địa chỉ Email để liên hệ? Nếu không có sự trao đổi trước đó thì liệu họ có cung cấp những thông tin về các khoản thanh toán giữa Chúng tôi cho Nguyên đơn không?

- **Nguyên đơn ngăn cản, chặn cửa không cho Chúng tôi vào công trường để thi công**: Sau khi tự ý làm việc với các nhà thầu phụ của Chúng tôi, Nguyên đơn với sự tiếp tay của chủ đầu tư DST, Yun Kwang Ho đã lập sẵn kế hoạch ngăn cản không cho nhân sự của Chúng tôi vào công trường để thực hiện công việc cụ thể:

Ngày 10/11/2021 Nguyên đơn đã cắt điện, không cho Chúng tôi tiếp tục làm việc, sáng 11/11/2021 đóng cửa cổng chính, chặn xe không cho Chúng tôi vào công trình trong khi các nhà thầu phụ của Chúng tôi lại được vào làm việc dưới sự giám sát và quản lý của Nguyên đơn. Chúng tôi đã cung cấp cho Quý tòa toàn bộ chứng cứ kèm theo.

- **Nguyên đơn có hành vi móc nối, thông đồng với ông Yun Kwang Ho-Người quản lý tại dự án của HNF để lấy cắp thông tin và xóa bỏ các chứng cứ gây bất lợi cho Nguyên đơn.**

Nguyên đơn đã có hành vi móc nối, thông đồng với người Quản lý dự án của Chúng tôi tại công trường thời điểm đó là ông Yun Kwang Ho. Nguyên đơn thực hiện hành vi móc nối, thông đồng này nhằm mục đích thu thập: thông tin của Chúng tôi liên quan đến hoạt động thi công; thông tin các nhà thầu phụ của Chúng tôi; các tài liệu liên quan đến việc thực hiện dự án như bản vẽ thiết kế, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật cũng như tiêu hủy toàn bộ bằng chứng gây bất lợi cho Nguyên đơn. Nhằm che dấu việc tiến độ thi công bị chậm hoàn toàn là do mặt bằng và chất lượng thi công nhà xưởng do chính Nguyên đơn xây dựng. Đồng thời lên kế hoạch loại bỏ Chúng tôi ra khỏi danh sách các nhà thầu phụ của Nguyên đơn.

- **Nguyên đơn không thanh toán cho Chúng tôi theo đúng thỏa thuận:** Kể từ khi ký Hợp đồng, Nguyên đơn nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Chúng tôi cụ thể như sau:

Vi phạm lần thứ nhất: Chúng tôi và Nguyên đơn ký Hợp đồng ngày 3/8/2020, Theo thỏa thuận tại **Điều 3: Điều kiện thanh toán** của Hợp đồng số YOUNGJIN-20200308-HNF thì Nguyên đơn phải thanh toán cho Chúng tôi số tiền tạm ứng 30% giá trị Hợp đồng (21.261.000.000 VNĐ) trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày 3/8/2020, tức là phải thanh toán cho Chúng tôi vào khoảng ngày 11/8/2020. Tuy nhiên, đến ngày 21/08/2020 Chúng tôi mới nhận được số tiền này. Nguyên đơn đã không thanh toán cho Chúng tôi theo đúng thỏa thuận và cũng không có bất kỳ văn bản nào gửi cho Chúng tôi về việc chậm thanh toán này.

Vi phạm lần thứ hai: Theo thỏa thuận tại **Điều 2** của Phụ lục hợp đồng kiêm bản hiệp ước kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký ngày 22/09/2021 thì Nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Chúng tôi Tiền tạm ứng đợt 1: 4.815.447.526 VNĐ theo điều kiện nhập kho thiết bị vào tháng 9 năm 2021 nhưng mãi đến tận ngày 01/10/2021 Nguyên đơn mới thanh toán cho Chúng tôi.

Vi phạm lần thứ ba: Nguyên đơn không thanh toán cho Chúng tôi theo đúng thảo thuận tại **Điều 2** của Phụ lục hợp đồng kiêm bản hiệp ước kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký ngày 22/09/2021. Cụ thể: *"**2. Thời gian và điều kiện nhập kho các thiết bị, vật tư được quy định như sau**:*

- Ngày nhập kho;

- Nhập các loại Panel, thiết bị FFU, CHILLER, Cửa tự động, và các thiết bị phòng sạch: trong vòng 40 ngày sau khi nhận được tạm ứng đợt 2;

- Nhập thiết bị AHU: 40 ngày sau khi nhận được tạm ứng đợt 2;

- Tổng giá trị máy móc nhập khẩu sẽ là 20,397,496,048 VND, tiền thuế VAT 2,039,749,605 VND. Bên A sẽ thanh toán 80% giá trị nhập khẩu của máy móc lần này, cụ thể như sau:

- Lịch thanh toán như sau: Tạm ứng đợt 1, số tiền: 4,815,447,526 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%) vào tháng 9 năm 2021; Tạm ứng đợt 2, số tiền: 5,199,475,347 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%) trong vòng 50 ngày kể từ khi thanh toán tạm ứng lần 1; Tạm ứng đợt 3, số tiền: 3,744,581,780 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%) trong vòng 50 ngày kể từ khi thanh toán giữa tiến độ lần 2; Tạm ứng đợt 4, số tiền: 6,434,016,435 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%) trong vòng 50 ngày kể từ khi thanh toán giữa tiến độ lần 3.

- Các điều kiện khác: Trường hợp bên B nhập kho chậm trễ so với ngày dự kiến từ 7 ngày trở lên mà không có bất kỳ lý do đặc biệt nào thì Bên A có quyền yêu cầu thanh toán các khoản phí phát sinh liên quan đến việc chậm trễ. Hai bên cùng thỏa thuận một cách trung thực về việc cùng chi trả các khoản phí, phí bảo vệ liên quan đến việc bảo quản thiết bị, vật tư. Bên B phải chịu trách nhiệm 100% trong trường hợp phát hiện thiết bị, vật tư bị hỏng hóc hoặc không thể sử dụng được. Tuy nhiên, loại trừ trường hợp của bảng điều khiển sạch (bảo quản ngoài trời lâu)"

Căn cứ **Điều 2**: của Phụ lục hợp đồng kiêm bản hiệp ước kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký ngày 22/09/2021 Chúng tôi phải tiến hành nhập kho 2 hạng mục các thiết bị máy móc như sau: Nhập các loại Panel, thiết bị FFU, CHILLER, cửa tự động, và các thiết bị phòng sạch: trong vòng 40 ngày sau khi nhận được tạm ứng đợt 2 và Nhập thiết bị AHU: 40 ngày sau khi nhận được tạm ứng đợt 2**.**

Thứ nhất, về việc nhập kho các loại Panel, thiết bị FFU, CHILLER, Cửa tự động, và các thiết bị phòng sạch: Chúng tôi đã hoàn thành việc nhập kho các thiết bị và vật tư này về công trình DST VINA 2. Nguyên đơn cũng đã xác nhận cho Chúng tôi bằng việc hai bên ký biên bản nghiệm thu lần 1, khối lượng hoàn thành lần 1 vào ngày 25/09/2021.

Thứ hai, về việc nhập thiết bị AHU: Căn cứ quy định tại **Điều 2** của Phụ lục hợp đồng thì: Chúng tôi có nghĩa vụ nhập thiết bị AHU trong vòng 40 ngày sau khi nhận được tạm ứng đợt 2**.** Tức là, sau khi Chúng tôi nhận được số tiền tạm ứng đợt 2 tương ứng với số tiền 5.199.475.347 VND (bao gồm cả thuế GTGT 10%) thì trong vòng 40 ngày Chúng tôi sẽ phải nhập thiết bị AHU về công trình.

Đồng thời, số tiền tạm ứng đợt 2 là 5.199.475.347 VND sẽ được Nguyên đơn thanh toán cho Chúng tôi trong vòng 50 ngày kể từ khi thanh toán tạm ứng lần 1. Có nghĩa là: Chúng tôi nhận được số tiền thanh toán tạm ứng đợt 1 là 4.815.447.526 VND vào ngày 01/10/2021, và trong vòng 50 ngày (từ ngày 01/10/2021 đến ngày 20/11/2021) Nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Chúng tôi số tiền tạm ứng đợt 2 là 5.199.475.347 VND này để Chúng tôi nhập khẩu máy móc. Tuy nhiên, sau khi Chúng tôi bàn giao đầy đủ các loại Panel, thiết bị FFU, CHILLER, cửa tự động, và các thiết bị phòng sạch cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn không những không thanh toán cho Chúng tôi số tiền nói trên mà còn chặn không cho Chúng tôi vào thực hiện công việc của mình kể từ ngày 11/11/2021. Sau đó, Nguyên đơn lại tiến hành gửi cho Chúng tôi công văn "Thông báo sẽ áp dụng tiền phạt chậm và xử lý theo pháp luật" vào ngày 07/12/2021, công văn "Thông báo chính thức áp dụng tiền phạt chậm và chấm dứt Hợp đồng" vào ngày 27/12/2021. Công văn "Thông báo vi phạm và yêu cầu thanh lý Hợp đồng" và ngày 11/08/2022.

Mặt khác, Nguyên đơn ngang nhiên chiếm đoạt, tự ý bán các tài sản, vật liệu của Chúng tôi ở công trình. Nguyên đơn thông đồng, cấu kết với một số các nhà thầu phụ làm giả tài liệu, chứng cứ, cung cấp thông tin sai sự thật nhằm gây bất lợi cho Chúng tôi trước Tòa. Cụ thể: Tại bút lục số: 411, Nội dung Email hỏi và phản hồi giữa Nguyên đơn và nhà thầu phụ Kwang Seong. Ở đây, nhà thầu phụ trả lời Email hỏi của Nguyên đơn về việc thanh toán của HNF cho nhà thầu phụ này có nội dung như sau: "*Không biết là tôi có cần trả lời theo cách khác không hay chỉ trả lời như thế này là được... Nếu có mẫu trả lời thì hãy gửi cho Chúng tôi, Chúng tôi sẽ soạn và gửi lại theo mẫu."* Chúng tôi thắc mắc: Nếu người hỏi đặt câu hỏi nhằm thu thập thông tin một cách khách quan, chính xác và trung thực thì người hỏi có cần phải viết luôn câu trả lời rồi yêu cầu người trả lời gửi lại đúng nội dung đã soạn hay không?

Có thể thấy, ngay từ khi ký Hợp đồng cho đến thời điểm hiện tại, Chúng tôi luôn có thái độ thiện chí và có những hành động thực tế để thực hiện Hợp đồng. Do vậy, việc Nguyên đơn cáo buộc Chúng tôi không tiếp tục thực hiện công việc của Hợp đồng là hoàn toàn sai sự thật.

Bởi những nguyên nhân từ Nguyên đơn nêu trên, Chúng tôi khẳng định rằng cho đến thời điểm hiện tại Chúng tôi không vi phạm bất kỳ một điều khoản nào của Hợp đồng YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03/8/2020 và Phụ

lục hợp đồng kiêm bản Hiệp ước kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký kết ngày 22/9/2021. Việc Hợp đồng chưa thể thực hiện như dự kiến hoàn toàn là do lỗi của chính Nguyên đơn. Vì vậy, Chúng tôi cũng không đồng ý trả những khoản tiền như yêu cầu của Nguyên đơn.

* Về sự thiện chí của Chúng tôi và Nguyên đơn: Kể từ khi ký Hợp đồng đến nay, Chúng tôi và Nguyên đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn từ những nguyên nhân nêu trên. Mỗi khi phát sinh các mâu thuẫn, Chúng tôi đều đề nghị Nguyên đơn làm việc để đàm phán, giải quyết vướng mắc. Tuy nhiên, Nguyên đơn mới chỉ làm việc với Chúng tôi một lần duy nhất vào ngày 06/01/2021 ở văn phòng của Nguyên đơn. Tại buổi làm việc đó, Chúng tôi đã không đạt được tiếng nói chung, thậm chí Giám đốc của HNF là ông Song Yong Dae còn bị người của Nguyên đơn hành hung và dọa nạt.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà. Tạo điều kiện cho nguyên đơn và bị đơn hoà giải nhưng hai bên không tiến hành hòa giải được.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện; tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; việc cấp, tống đạt và giao nhận văn bản tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử sau khi đã tống đạt hợp lệ cho đương sự là đúng thủ tục tố tụng.

- Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tại mục 1 Điều 16 Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa Youngjin và HNF, giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận với nhau về Toà án giải quyết khi phát sinh tranh chấp là Toà án Hà Nội. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều đồng ý chọn Toà án nhân dân huyện Quốc Oai là nơi có thẩm quyền giải quyết vụ án nên Toà án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý và giải quyết vụ kiện là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích nội dung vụ án, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề

nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 423; Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 140, 143, 144, 145, 146, 147 Luật xây dựng năm 2014; Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Toà án tuyên bố HNF vi phạm Hợp đồng; Buộc Công ty TNHH HNF trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty Cổ phần Y đã tạm ứng theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng, với tổng số tiền là: 19.455.207.178 VND và buộc Công ty TNHH HNF phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 27/12/2021 đến ngày 27/08/2024 (974 ngày) với lãi suất 10%/năm (căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) là **5.191.608.710 VND** vì công ty TNHH HNF không có lỗi đối với việc nhập khẩu các thiết bị, vật tư và thi công công trình cho Youngjin;

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí; Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, nguyên đơn là Công ty Cổ phần Y yêu cầu Toà án tuyên bố công ty HNF vi phạm Hợp đồng; buộc Công ty HNF trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty Cổ phần Y đã tạm ứng theo Hợp đồng + Phụ lục hợp đồng và số tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 3 tháng 8 năm 2020 nên xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng thi công.

Tại mục 1 Điều 16 Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa Youngjin và HNF, giữa nguyên đơn và bị đơn có thoả thuận với nhau về Toà án giải quyết khi phát sinh tranh chấp là Toà án Hà Nội. Tuy nhiên, thoả thuận lựa chọn Toà án chưa phù hợp với quy định của pháp luật và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn lựa chọn Toà án nhân dân huyện Quốc Oai là phù hợp về thẩm quyền giải quyết do bị đơn là công ty HNF, có địa chỉ trụ sở ghi trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp 0108725516 do sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu: ngày 04/5/2019; đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 07/9/2020 là KM 16+700 Đại lộ Thăng Long, xã Yên Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

Về việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Tuyên bố huỷ bỏ Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Phụ lục Hợp đồng kiêm Bản Hiệp ước Kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa Youngjin và HNF nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải ghi nhận yêu cầu của các đương sự nêu trên là tự nguyện không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Công ty Cổ phần Y và công ty HNF cùng ký hợp đồng thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Phụ lục Hợp đồng kiêm bản Hiệp ước kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ngày 22 tháng 9 năm 2021. Đây là hợp đồng thi công được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng về hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được thừa nhận và bảo vệ, các bên có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng hai bên đã ký kết.

Đối với các yêu cầu cụ thể của nguyên đơn về việc:

- Tuyên bố HNF vi phạm Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa Youngjin và HNF và Phụ lục Hợp đồng kiêm Bản Hiệp ước Kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa Youngjin và HNF.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hai bên đã thực hiện được một phần hợp đồng, nguyên đơn đã tiến hành tạm ứng 30% theo giá trị hợp đồng đã thoả thuận tại mục 1 Điều 3 của hợp đồng, tương đương 21.261.000.000 đồng, số tiền này theo thoả thuận của hợp đồng không bao gồm 10% VAT, gồm chi phí vận chuyển và một phần số tiền đặt hàng từ Hàn Quốc. Bị đơn đã thực hiện một số công việc theo thoả thuận, cụ thể: từ ngày 21/08/2020 đến ngày 25/08/2020, HNF đã tiến hành chuyển tiền tạm ứng để làm căn cứ thực hiện Hợp đồng cho tổng 4 nhà thầu phụ, gồm: Công ty TNHH VES theo hợp đồng số: 20200806/HNF-VES/02 ký ngày 06/08/2020; Công ty TNHH SJ Trading theo hợp đồng số: HNF-20200806-SJ/02 ký ngày 06/08/2020; Công ty Dongcheon theo hợp đồng số: 08102020/DC-HNF ký ngày 10/08/2020; Công ty TNHH Contract Korea theo hợp đồng số: HNF-20200806-ContactKorea/03 ký ngày 06/08/2020 với tổng số tiền là: 410.750 USD (khoảng 9.529.396.288 VNĐ) thông qua hệ thống chuyển tiền quốc tế của ngân hàng Techcombank và ngày 25/08/2020, HNF tiếp tục chuyển tiền cho 07 (bảy) nhà thầu phụ gồm: Công ty TNHH FA SYSTEMS theo Hợp đồng số: FA SYS-HNF/05082020 ký ngày 05/08/2020; Công ty TNHH JBNC VIỆT NAM theo Hợp đồng số: HNF-JBNC/PNVP/20200804 ký ngày 04/08/2020; Công ty TNHH KWANG SEONG PUNGRYUK VINA theo Hợp đồng số: 100820/HĐKT/KSW-HNF ký ngày 10/08/2020; Công ty TNHH SHINWOO INDUSTRIES VINA theo Hợp đồng số: HNF-SWI-20200806/DST ký ngày 06/08/2020; Công ty TNHH SE JIN

KONGJO theo hợp đồng số: 26/2020/HNF-SJ/100CLASS ký ngày 06/08/2020; Công ty TNHH POWER TECH VINA theo hợp đồng số: 060820/HĐKT/PWT-HNF ký ngày 06/08/2020; Công ty TNHH KDI QUỐC TẾ theo hợp đồng số: 20200824 – Electric system DST VINA2 PJ/KDI-HNF ký ngày 24/08/2020 với tổng số tiền là: 9.605.514.136 VNĐ qua hệ thống chuyển tiền trong nước của ngân hàng Techcombank. Tổng toàn bộ số tiền tạm ứng cho các nhà thầu phụ cả trong và ngoài nước là: 19.134.910.424 VNĐ. Công ty HNF đã thực hiện đúng công việc theo lộ trình, quyết toán được lần 1 đối với hợp đồng thi công. Tổng số tiền mà YOUNGJIN đồng ý thanh toán khối lượng hoàn thành lần 1 vào ngày 22/09/2021 với giá trị là 6.621.240.347 VNĐ (gồm 4.815.447.526 mà nguyên đơn thanh toán qua ngân hàng và 1.805.792.822 đồng nguyên đơn đồng ý giảm trừ từ số tiền tạm ứng 30% giá trị hợp đồng). Theo quy định tại Điều 2 Phụ lục hợp đồng, HNF có nghĩa vụ nhập các loại Panel, thiết bị FFU, Chiller, của tự động, các thiết bị phòng sạch trong vòng 40 ngày sau khi nhận được tạm ứng đợt 2. Phía nguyên đơn cũng xác nhận chưa thực hiện việc thanh toán tạm ứng lần 2 với số tiền 5.199.475.347 đồng trong vòng 50 ngày kể từ ngày thanh toán tạm ứng lần 1 (tức là ngày 20/11/2021) vì cho rằng khoản thanh toán khối lượng hoàn thành lần 1 vào ngày 25/09/2021 là cơ sở để phía bị đơn thực hiện nhập thiết bị, máy móc. Theo quy định tại khoản 2, Điều 2 của hợp đồng thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 3 tháng 8 năm 2020, HNF có nghĩa vụ hoàn thành lắp đặt phòng sạch Class 100 trong vòng 50 ngày kể từ ngày thiết bị Coater OLED của phía Nguyên đơn được lắp đặt xong. Phía Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, bằng chứng chứng minh việc đã hoàn hành việc lắp đặt thiết bị Coater OLED đúng theo nghĩa vụ phải thực hiện. Như vậy, nguyên đơn đã vi phạm thoả thuận tại Điều 2 trong phụ lục hợp đồng và vi phạm thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng, thoả thuận về lịch thanh toán và lịch lắp đặt máy móc của phía Nguyên đơn nên không có căn cứ để tuyên bố HNF vi phạm Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 3 tháng 8 năm 2020 giữa Youngjin và HNF và Phụ lục Hợp đồng kiêm Bản Hiệp ước Kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa Youngjin và HNF.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc: Buộc Công ty TNHH HNF trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty Cổ phần Y đã tạm ứng theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng, với tổng số tiền là:19.455.207.178 VND, xét số tiền tạm ứng hợp đồng nêu trên được hai bên thoả thuận thực hiện tại Điều 3 (điều kiện thanh toán), số tiền này gồm chi phí vận chuyển và một phần số tiền đặt hàng từ Hàn Quốc. Công ty HNF đã tiến hành đặt hàng theo yêu cầu của nguyên đơn, thể hiện bằng việc nguyên đơn đã ký xác nhận để Ngân hàng thực hiện bảo lãnh tạm ứng chuyển tiền theo đề nghị của bị đơn đến các nhà thầu phụ. Quá trình thu thập chứng cứ, Toà án nhân dân huyện Quốc Oai đã có văn bản yêu cầu Ngân hàng TMCP Techcombank cung cấp chứng thư bảo lãnh và các chứng từ liên quan đến việc chuyển tiền của công ty TNHH HNF đến các nhà thầu phụ theo công văn yêu cầu giảm trừ tạm ứng hoàn tiền ứng trước số tham chiếu

MD2022177855 ngày 08/8/2020. Ngân hàng Techcombank đã cung cấp các chứng cứ chứng minh việc HNF đã thực hiện việc chuyển tiền cho các nhà thầu phụ (có xác nhận của công ty Youngjin). Như vậy nguyên đơn có biết việc bị đơn chọn và đồng ý cho bị đơn chuyển tiền cho các nhà thầu phụ để đặt các thiết bị, máy móc để lắp đặt tại công trình như thoả thuận.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng, sau khi Youngjin và HNF ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành lần 1 thì phía HNF lại không thực hiện tiếp tục các công việc thuộc trách nhiệm của HNF theo quy định của Hợp đồng và Phụ lục. Cụ thể, HNF dừng tiến hành nhập khẩu các thiết bị, vật tư và không tiến hành tiếp tục thi công công trình cho Youngjin. Youngjin đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu HNF nghiêm túc thực hiện các các phạm vi công việc của mình. Đặc biệt, vào ngày 7 tháng 12 năm 2021, Youngjin đã gửi thư Thông báo áp dụng tiền phạt chậm và xử lý theo pháp luật cho HNF. Trả lời các thông báo này của Youngjin, HNF cho rằng đã giao công việc của mình trong hợp đồng thi công cho các bên thứ 3 thực hiện ("Thầu phụ"), việc giao công việc này được thực hiện bằng các hợp đồng được ký giữ HNF và các nhà thầu phụ. Nguyên đơn đưa ra yêu cầu nhưng chưa đưa ra được chứng cứ để chứng minh lỗi của bị đơn. Nguyên đơn cho rằng lỗi không nhập máy móc, thiết bị của bị đơn là do bị đơn không tiến hành chuyển tiền để các nhà thầu phụ thực hiện việc bán máy móc, thiết bị. Tuy nhiên tại các buổi công khai chứng cứ và hoà giải bị đơn cung cấp các chứng cứ là đề nghị thanh toán; các bản sao uỷ nhiệm chi; Bảo lãnh hoàn ứng trước số tham chiếu MD2022177855 ngày 08/8/2020 và các vi bằng để chứng minh lỗi của nguyên đơn trong việc cản trở, không cung cấp mặt bằng đủ tiêu chuẩn và liên kết với một số nhà thầu phụ dẫn đến việc cản trở việc bị đơn thực hiện hợp đồng và bị đơn cung cấp thêm các chứng cứ là các vi bằng thể hiện lời khai của người làm chứng, hình ảnh lỗi mặt bằng thi công mà nguyên đơn không khắc phục được và không bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho bị đơn. Do vậy không có căn cứ chứng minh lỗi trong việc thực hiện hợp đồng của bị đơn. Đồng thời, tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Tuyên bố huỷ bỏ Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Phụ lục Hợp đồng kiêm Bản Hiệp ước Kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa Youngjin và HNF, do vậy không không có cơ sở để giải quyết hậu quả của việc huỷ bỏ hợp đồng theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc công ty HNF phải trả số tiền đã tạm ứng theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng là 19.455.207.178 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 27/12/2021 đến ngày 27/08/2024 (974 ngày) với lãi suất 10%/năm (căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) là 5.191.608.710 đồng không được chấp nhận.

[3] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận; Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 422; Điều 423; Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 140, 143, 144, 145, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014; căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao:

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tuyên bố huỷ bỏ Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Phụ lục Hợp đồng kiêm Bản Hiệp ước Kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa **Công ty Cổ phần Y** và **Công ty trách nhiệm hữu hạn H** do nguyên đơn rút yêu cầu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Toà án tuyên bố **Công ty trách nhiệm hữu hạn H** vi phạm Hợp đồng Thi công lắp đặt số YOUNGJIN-20200308-HNF ký kết ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa Youngjin và HNF và Phụ lục Hợp đồng kiêm bản Hiệp ước kinh doanh số YOUNGJIN-20200308-HNF-01 ký kết ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Y và Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty Cổ phần Y đã tạm ứng theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng, với tổng số tiền là: 19.455.207.178 VND *(mười chín tỉ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm linh bảy nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng)* và buộc Công ty TNHH HNF phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính từ ngày 27/12/2021 đến ngày 27/08/2024 (974 ngày) với lãi suất 10%/năm (căn cứ theo Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) là 5.191.608.710 VND *(năm tỷ một trăm chín mươi mốt triệu sáu trăm lẻ tám nghìn bảy trăm mười đồng)*.

4. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 132.646.816 đồng án phí kinh doanh thương mại được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 64.197.446 đồng theo biên lai thu số 0000366 ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, nguyên đơn còn phải nộp số tiền 68.449.370 đồng. Bị đơn không phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn là ông Phạm Xuân Trường, bà Trương Bách Ngọc có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2024. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông SEO YOUTAEG vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai;
- Chi cục THA dân sự huyện Quốc Oai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long